

Số: 12 /CBTT-QNP

Quy Nhơn, ngày 04 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

- Mã chứng khoán: QNP
- Địa chỉ: 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Điện thoại liên hệ: (0256) 3892363 Fax: (0256) 3891783
- E-mail: info@quynhonport.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 04/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt Dự án Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - cảng Quy Nhơn.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn vào ngày 04/01/2024 tại đường dẫn <https://www.quynhonport.vn/quan-he-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu kèm theo: Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 04/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt Dự án Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - cảng Quy Nhơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty (b/c);
- BKS Cty;
- Lưu: VT, NPTQT Cty

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Hồng Quân

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - cảng Quy Nhơn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

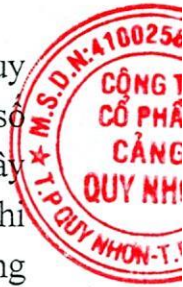
Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2370/QĐ-BGTVT ngày 29/07/2016 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4);

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BXD ngày 02/10/2023 của Bộ Xây dựng về Nghị định quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng cảng Quy Nhơn đến năm 2030;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/5/2023;



Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 31/01/2023;

Căn cứ Quy chế Quản lý dự án đầu tư ban hành kèm theo Nghị quyết số 266/NQ-HĐQT ngày 02/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-HĐQT ngày 31/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt đề cương lập báo cáo nghiên cứu khả thi; dự toán các gói thầu tư vấn bước chuẩn bị đầu tư thuộc dự án Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - Cảng Quy Nhơn;

Trên cơ sở Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - cảng Quy Nhơn số 296/2023/CMB-TKQH ngày 19/10/2023 của Đơn vị tư vấn - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải; Báo cáo thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - cảng Quy Nhơn số 136/2023/PHB-TT ngày 20/10/2023 của Đơn vị thẩm tra - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Phú Hà;

Trên cơ sở Biên bản thống nhất nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - cảng Quy Nhơn ngày 30/10/2023;

Trên cơ sở đề nghị tại Tờ trình số 1337/TTr-QNP ngày 07/11/2023 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt Dự án Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - cảng Quy Nhơn; Báo cáo thẩm định dự án Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - cảng Quy Nhơn ngày 23/11/2023 của Tổ thẩm định;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn số 154/BBYK-HĐQT ngày 03/01/2024 đối với Tờ trình số 1337/TTr-QNP ngày 07/11/2023 của Tổng giám đốc Công ty;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Dự án Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - cảng Quy Nhơn với các nội dung chính như sau:

- 1. Tên dự án:** Đầu tư cần trục quay đa năng trên bến số 1 - cảng Quy Nhơn.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

3. Chủ Đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

4. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư mua mới 02 cần trục xoay đa năng phục vụ bốc xếp hàng hóa trên Bến số 1, giúp tăng năng lực bốc xếp và tốc độ giải phóng tàu; Thuận tiện, an toàn hơn trong khai thác; Từ đó giúp nâng cao hiệu quả khai thác của Cảng Quy Nhơn nói chung.

5. Quy mô đầu tư: Đầu tư mới 02 cần trục quay đa năng với sức nâng ≥ 45 tấn, tầm với $\max \geq 38m$ và hệ thống cấp điện cho cần trục.

6. Đơn vị tư vấn lập, thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Đơn vị lập BC NCKT: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải.

Chủ nhiệm lập dự án: Ông Lê Quang Thành.

- Đơn vị thẩm tra BC NCKT: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Phú Hà.

Chủ trì thẩm tra: Ông Phí Quyết Thắng.

7. Địa điểm thực hiện: Cảng Quy Nhơn, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

8. Loại, nhóm dự án: Nhóm B.

9. Khung tiêu chuẩn áp dụng: Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

10. Tổng mức đầu tư của dự án: 194.819.389.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi bốn tỷ tám trăm mười chín triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí thiết bị:	175.587.500.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	2.390.799.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	1.139.417.000 đồng
- Chi phí khác:	6.424.559.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	9.277.114.000 đồng

(Chi tiết tổng mức đầu tư tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này)

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022÷2025, cụ thể:

- Năm 2022 - Quý 1/2024: Lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư; Lập hồ sơ mời thầu và đấu thầu lựa chọn nhà thầu; Ký kết hợp đồng cung cấp thiết bị.

- Năm 2024: Thiết kế, chế tạo, vận chuyển, lắp đặt, đăng kiểm và nghiệm thu thiết bị (dự kiến 12 tháng). Dự kiến đưa thiết bị vào khai thác năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn tự có của Chủ đầu tư: chiếm 40% tổng mức đầu tư;

Vốn vay: chiếm 60% tổng mức đầu tư.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Hiệu quả đầu tư:

STT	Chỉ tiêu	Kí hiệu	Đơn vị	Kết quả
1	Tổng mức đầu tư	Ivo	1.000 đồng	194.819.389
2	Tỷ suất chiết khấu lựa chọn	r	%	10,80%
3	Tỷ suất nội hoàn tài chính	IRR	%	16,00%
4	Thu nhập thuần cả đời dự án	NPV	1.000 đồng	29.408.160
5	Thời gian hoàn vốn chiết khấu	T	Năm	10,3

15. Thông số kỹ thuật chính của thiết bị:

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Các phòng: ĐT, TCKT, KT;
- Tổ thẩm định;
- Lưu : VT, ĐT, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Dũng



PHỤ LỤC 02 : TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÁN TRỤC QUAY ĐA NĂNG TRÊN BẾN SỐ 1 - CẢNG QUY NHƠN
 (Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 04/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn)

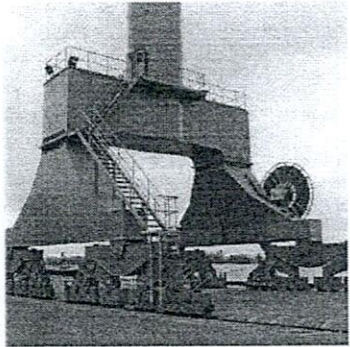
STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	K.lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí thiết bị				175.587.500
1	Cần trục chân đế chạy ray (Đã bao gồm 02 khung chụp và các thiết bị phụ trợ)	Chiếc	2	86.336.250	172.672.500
2	Cung cấp và lắp đặt cáp trung thế	HT	1	2.915.000	2.915.000
II	Chi phí quản lý dự án	1,702% x Gtb x 0,8			2.390.799
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				1.139.417
1	Chi phí lập báo cáo NCKT	HĐ số 0501/2023/HĐ-TVXD ngày 05/01/2023			431.215
2	Chi phí thẩm tra báo cáo NCKT	HĐ số 3105/2023/HĐTV/CQP-PH ngày 31/5/2023			70.819
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị	0,078% xGtb			136.958
4	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,285% xGtb			500.424
IV	Chi phí khác				6.424.559
1	Phí thẩm định dự án	0,010% xTMĐT			19.482
2	Chi phí lãi vay trong thời gian đầu tư				5.844.582
3	Chi phí kiểm toán	0,31% xTMĐT x70%			421.394
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,20% xTMĐT x70%*50%			139.101
V	Chi phí dự phòng	5%			9.277.114
	Cộng				194.819.389
-	Vốn tự có (40%)				77.927.756
-	Vốn vay (60%)				116.891.634

PHÒNG UC 03 - YÊU CẦU KỸ THUẬT CẦU TRỤC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CẦU TRỤC QUAY ĐA NĂNG TRÊN BẾN SỐ 1 - CẢNG QUY NHƠN
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày 04/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn)

TT	Thông số	Yêu cầu kỹ thuật
1	Loại cầu trục	Cầu trục xoay chạy trên ray 120
2	Thông số kỹ thuật phần cầu từ mâm xoay trở lên	
2.1	Sức nâng	≥ 45T (ở tầm với lớn nhất yêu cầu khai thác ≥ 38m) ≥ 35T (dưới khung chụp container tự động ở tầm với lớn nhất yêu cầu khai thác ≥ 38m)
2.2	Tầm với lớn nhất (tính từ tim ray phía khu nước)	≥ 38m (13 hàng container)
2.3	Chiều cao nâng/chiều sâu hạ (từ mặt cầu cảng đến móc cầu)	≥ 30m/ ≥ 14m (ở tầm với xa nhất)
2.4	Tiêu chuẩn thiết kế và chế tạo	ISO/FEM/DIN/EN
2.5	Phân cấp cầu (theo QCVN 22:2018/BGTVT)	U6/A6/Q2 hoặc cao hơn
2.6	Phân cấp các cơ cấu khác của cầu trục	Phù hợp với phân loại và cấp sử dụng cầu trục trên bến cảng
2.7	Hệ số an toàn của dây cáp	≥ 5
2.8	Tốc độ làm việc	
-	Tốc độ nâng, hạ khi đầy tải (tải 45T)	≥ 20 m/phút
-	Tốc độ nâng, hạ khi không tải (móc rỗng)	≥ 40 m/phút
-	Tốc độ xoay	≥ 1,2 vòng/phút
-	Góc xoay	360 ⁰
-	Thời gian thay đổi tầm với (R _{max} đến R _{min})	≤ 110s
2.9	Động cơ, hộp giảm tốc	
-	Nguồn điện	400V, 3 pha, 50Hz (độ dao động điện áp ±10%)
-	Xuất xứ (hãng sản xuất/ Thương hiệu)	Châu Âu, G7 hoặc tương đương
2.10	Vận tốc gió lớn nhất khi làm hàng	20 m/s (tương đương cấp 8)
2.11	Có khả năng lắp đặt, khai thác khung chụp (spreader) tự động	Đi kèm đồng bộ đủ để thiết bị hoạt động
2.12	Có khả năng lắp đặt tang cáp điện và tủ điều khiển gầu ngoạm mô tơ tự động	Đi kèm đồng bộ đủ để thiết bị hoạt động
2.13	Có khả năng lắp dây cáp điện cấp nguồn động lực và điều khiển khung nâng hàng thùng xả đáy (phục vụ bốc hàng rời như dăm gỗ,...)	Đi kèm đồng bộ đủ để thiết bị hoạt động
2.14	Xuất xứ chung của thiết bị (phần cầu từ mâm xoay trở lên)	Sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu
3	Phần chân đế	



[Handwritten signature]

TT	Thông số	Yêu cầu kỹ thuật
3.1	Chân đế cần trục	Bằng kết cấu thép
3.2	Khổ ray (khoảng cách giữa 2 ray cần trục)	18m
3.3	Loại ray cần trục (đã lắp đặt sẵn trên cầu cảng)	A120
3.4	Tiêu chuẩn hàn	AWS (Mỹ) hoặc tương đương
3.5	Chiều cao tính không dưới chân cần trục	$\geq 12m$
3.6	Cơ cấu di chuyển phân chân đế 	+ Có 04 cụm chân; + Tải được phân bố đến các bánh xe di chuyển + Các cụm chân có thể quay được 1 góc 90^0 + Khoảng cách tâm hai chân cầu cùng phía, tải trọng của bánh xe phù hợp với hồ sơ thiết kế cầu cảng <i>(thể hiện ở mục 2 – chương II- Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án)</i>
3.7	Phạm vi di chuyển của cần trục	480m (cấp điện ở điểm giữa, di chuyển 240m về mỗi phía)
3.8	Tốc độ di chuyển của cần trục	≥ 20 m/phút
3.9	Hệ thống phanh di chuyển	Dạng phanh điện từ
3.10	Xuất xứ động cơ di chuyển (hãng sản xuất/ thương hiệu)	Châu Âu, G7 hoặc tương đương
3.11	Xuất xứ của phần chân đế	Sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu
4	Các yêu cầu khác	
4.1	Kiểu khí hậu nơi thiết bị hoạt động	Nhiệt đới nóng ẩm
-	Nhiệt độ ngoài trời	$+5^0C \div 45^0C$
-	Độ ẩm	100%
-	Tốc độ gió lớn nhất (khi không hoạt động)	≥ 42 m/s
4.2	Chất lượng cần trục	Mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau
4.3	Hệ thống điều khiển kiểm soát các chuyển động của cần trục, chỉ thị tải trọng và tầm với, liên lạc nội bộ trong cabin lái	Đông bộ đủ để thiết bị hoạt động. Xuất xứ (hãng sản xuất): Nhập khẩu từ các nước Châu Âu, G7 hoặc tương đương
4.4	Cầu thang, lan can bảo vệ, chiếu nghỉ	Kết cấu kim loại có mạ kẽm (chịu được trong môi trường ăn mòn cao), phù hợp tiêu chuẩn FEM
4.5	Cabin lái	Tất cả các thao tác cần trục được điều khiển trong cabin lái
-	Vật liệu bao ngoài cabin	Chế tạo bằng hợp kim nhôm

TT	Thông số	Yêu cầu kỹ thuật
-	Hệ thống điều hoà trong cabin	Đồng bộ đảm bảo thiết bị hoạt động
-	Độ cao mặt sàn cabin so với mặt ray	$\geq 20m$
-	Màn hình điều khiển trong ca bin lái	Hiển thị đầy đủ các chỉ số kỹ thuật khi cần trực vận hành như: Tải trọng, tốc độ, cảnh báo an toàn, cảnh báo quá tải, cảnh báo lỗi, đo vận tốc gió,....
4.6	Công nghệ làm sạch và sơn bảo vệ vật liệu kim loại của cần trục	+ Mức độ làm sạch bề mặt kim loại: $\geq SA 2.5$ (theo tiêu chuẩn SIS 055900) + Sơn trong buồng chân không + Sơn mặt ngoài: Số lớp sơn: ≥ 3 lớp (Sơn mạ epoxy, sơn epoxy, sơn phủ,...); Tổng chiều dày các lớp sơn: $\geq 220\mu m$ + Sơn mặt trong: Số lớp sơn: ≥ 2 lớp (Sơn mạ epoxy, sơn phủ,...)
4.7	Hệ thống chiếu sáng lắp trên cầu (chiếu sáng chung cho lối đi và buồng điều khiển)	Phù hợp với tiêu chuẩn IEC
4.8	Hệ thống tiếp mát, tiếp địa	Phù hợp tiêu chuẩn IEC
4.9	Hệ giảm chấn và hạn vị di chuyển	Hai đầu di chuyển có tấm chống va và hạn vị điểm cuối
4.10	Hệ thống sấy và thông gió	Đảm bảo buồng điện, cabin vận hành không bị ẩm, tích tụ hơi
4.11	Hệ thống neo phòng chống bão	Trang bị bộ kẹp ray thủ công và các phụ kiện đảm bảo điều kiện an toàn khi có bão (vận tốc gió lớn nhất $\geq 42 m/s$ tương đương cấp 14)
4.12	Hệ thống cảnh báo an toàn	Chuông và đèn chớp cảnh báo khi cần trực di chuyển
4.13	Thời gian bảo hành	
-	Thời gian bảo hành chung toàn bộ cần trục	≥ 24 tháng
-	Thời gian bảo hành của cáp	≥ 3.000 giờ
-	Thời gian bảo hành hệ thống điện, điện điều khiển, phần mềm	≥ 36 tháng
-	Thời gian bảo hành hộp giảm tốc, hộp số, hệ thống quay vòng (bao gồm mâm xoay)	≥ 36 tháng
-	Thời gian bảo hành kết cấu thép	≥ 84 tháng
-	Thời gian bảo hành lớp sơn bảo vệ vật liệu kim loại của cần trục (không bị bong tróc, rỉ sét, bạt	≥ 60 tháng

TT	Thông số	Yêu cầu kỹ thuật
	màu)	
4.14	Độ ồn khi vận hành	$\leq 85\text{dB}$ trong bán kính 6m từ nguồn phát ra tiếng ồn
5	Phụ kiện kèm theo cần trục	
5.1	Khung chụp tự động	
-	Sức nâng dưới khung chụp	$\geq 35\text{T}$
-	Sức nâng mỗi vấu	$\geq 8,75\text{T}$
-	Thời gian co duỗi khung chụp từ con't 20' \leftrightarrow 40'	$\leq 30\text{s}$
-	Tốc độ khoá gù (vấu)	90^0 với thời gian $\leq 1,5\text{s}$
-	Kết cấu cơ khí	Thiết kế theo tiêu chuẩn EN13001 hoặc tương đương. $n_{\text{max}} \geq 500.000 \div 1.000.000$ chu kỳ nâng
-	Tổng trọng lượng (bao gồm cả phụ kiện)	≤ 8 tấn
-	Xuất xứ (hãng sản xuất/ thương hiệu)	Châu Âu, G7 hoặc tương đương
5.2	Hệ thống máy biến áp 22/0.4kV	Lắp đặt trên cần trục, đồng bộ để đảm bảo cung cấp điện cho các động cơ, thiết bị điện khác trên cầu
5.3	Cấp điện cho cần trục	Nhà cung cấp thiết bị có trách nhiệm thực hiện đấu nối, lắp đặt đường dây 22kV dẫn về điểm đấu nối (hố cấp điện) trên cầu cảng để cung cấp điện cho cần trục. Trên cầu cảng đã thi công sẵn tuyến hào công nghệ gần mép bên để lắp đặt cáp điện 22KV rãnh trái cáp và hố cấp điện trên mặt bên. Chiều dài từ đường dây 22KV hiện hữu đến hố cấp điện trên cầu cảng dự kiến khoảng 400m.
5.4	Tải thử	Trọng tải thử đảm bảo theo QCVN 22:2018/BGTVT